

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5598/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của Quận 5

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng nhân dân về Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 5 tại Tờ trình số 816/TTr-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 8005/TTr-TNMT-KH ngày 19 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của Quận 5 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(19)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,25			0,001		0,01	0,08		
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DK V	2,77				0,36			0,12	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,73	0,05	0,08			0,003	0,01	0,05	0,02
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	11,98	3,82				1,66	2,45		
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MN C									
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK									
3	Đất chưa sử dụng	CSD									
4	Đất khu công nghệ cao*	KC N									
5	Đất khu kinh tế*	KK T									
6	Đất đô thị*	KD T	426,84	42,79	29,25	17,58	38,06	22,65	23,33	24,54	23,33

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P9	P10	P11	P12	P13	P14	P15
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(19)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Đất nông nghiệp	NNP								
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	426,84	38,43	23,34	31,33	38,00	27,43	27,63	19,15
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,88	0,15						
2.2	Đất an ninh	CAN	3,25	1,45	0,62	0,14		0,11	0,01	0,10
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.4	Đất khu chế xuất	SKT								
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN								
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,43	3,71	1,60	1,78	3,98	1,81	2,01	1,09
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi NN	SKC	2,23	0,24	0,15		0,30	0,23	0,10	0,02
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	203,06	19,11	10,21	17,01	26,57	12,17	11,22	6,79
2.10	Đất có di tích lịch sử - VH	DDT	0,005						0,005	

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+ ..+(19)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN									
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp/đất phi nông nghiệp		1,38	0,01			0,79				
2.1	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,38	0,01			0,79				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P9	P10	P11	P12	P13	P14	P15
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+ ..+(19)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN								
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp/đất phi nông nghiệp		1,38	0,18			0,40			
2.1	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,38	0,18			0,40			

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 5 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín